|  |  |
| --- | --- |
|  | **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7**  **PHÂN MÔN LỊCH SỬ** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
|
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đất nước dưới thời các vương triều Ngô-Đinh-Tiền Lê (939-1009) | 1.Đất nước buổi đầu độc lập (939-967) | 2TN  2TN\* |  |  |  |  |  |  |  | **0,5 đ**  **5%** |
| 2. Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968-1009) | 2TN  2TN\* |  |  | 1TL  1TL\* |  |  |  |  | **2,0 đ**  **20%** |
| 2 | Đại Việt thời Lý-Trần –Hồ (1009-1407) | 1. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225) | 2TN |  |  | 1TL\* |  |  |  |  | **0,5 đ**  **5%** |
| 2. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống | 2TN\* |  |  | 1TL\* |  | 1TL  1TL\* |  | 1TL  1TL\* | **1,5 đ**  **15%** |
| 4 | Chủ đề chung | Các cuộc phát kiến địa lý |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | Đông Nam Á từ nửa sau thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVI | Vương quốc Lào | 2TN |  |  |  |  | 1TL\* |  | 1TL\* | **0,5 đ**  **5%** |
| **Tổng** | | | **8TN** | | **1 TL** | | **1** | | **1** | | **11** |
| **Tỉ lệ** | | | **20%** | | **15%** | | **10%** | | **5%** | | **50%** |

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** | **Vận dụng cao**  **(TL)** |
| 1 | **Châu Âu** **( 10% - đã kiểm tra giữa kì I)** | Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu | 1TN |  |  |  | 2,5%  0,25đ |
| Đặc điểm tự nhiên | 1TN\* |  |  |  | ***2,5%***  *0,25đ* |
| Đặc điểm dân cư, xã hội | 1TN\* |  |  |  | ***2,5%***  *0,25đ* |
| **2** | **Châu Á** ( 12 tiết) | Vị trí địa lí, phạm vi châu Á | 2TN |  |  |  | 5%  0,5đ |
| Đặc điểm tự nhiên | 2TN\* | 1TL |  |  | *5%*  *0,5đ*  *15%*  *1,5đ* |
| Đặc điểm dân cư, xã hội |  |  | 1TL(a) |  | 10%  1,0đ |
| Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á | 2TN\* |  |  | 1TL(b) | *5%*  *0,5đ* |
| Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á |  |  |  |  |  |
| ***Tỉ lệ*** | | | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** | **50%** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BẢNG ĐẶC TẢ**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7** |

**PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | |
| 1 | **TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | **1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu** | **Nhận biết**  – Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu  **Thông hiểu**  – Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.  – Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo  **Vận dụng**  – Phân tích được vai trò của thành thị trung đại. | |  |  |  |  |
|  |  | **2. Các cuộc phát kiến địa lí** | **Thông hiểu**  – Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí  **Vận dụng**  – Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới | |  |  |  |  |
| 2 |  | **3. Văn hoá Phục hưng** | **Nhận biết**  – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng  **Thông hiểu**  – Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.  **Vận dụng**  – Nhận xét được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu | |  |  |  |  |
| 4 |  | **4. Cải cách tôn giáo** | **Nhận biết**  – Nêu được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo  **Thông hiểu**  – Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo  – Giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo  – Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. | |  |  |  |  |
|  |  | **5. Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại** | **Thông hiểu**  – Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu | |  |  |  |  |
|  | Chủ đề chung | **Các cuộc phát kiến địa lí** | - Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.  - Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).  - Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử. | |  |  |  |  |
|  | **TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX** | **1. Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII** | **Vận dụng**  – Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh). | |  |  |  |  |
|  |  | **2. Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX** | **Nhận biết**  – Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường  **Thông hiểu**  – Mô tả được sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh  - Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...)  **Vận dụng**  – Nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...) | |  |  |  |  |
|  | **ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX** | **1. Vương triều Gupta**  **2. Vương triều Hồi giáo Delhi**  **3. Đế quốc Mogul** | **Nhận biết**  – Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ  – Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul.  **Thông hiểu**  **-** Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX  **Vận dụng**  – Nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX | |  |  |  |  |
|  | **ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | **1. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI** | **Thông hiểu**  – Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  - Giới thiệu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  **Vận dụng**  – Nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. | | 2TN\* |  |  |  |
|  |  | **2. Vương quốc Campuchia** | **Nhận biết**  – Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia.  - Nêu được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.  **Thông hiểu**  – Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia.  **Vận dụng**  – Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor. | | 1TN\*  1TN\* |  |  |  |
|  |  | **3. Vương quốc Lào** | **Nhận biết**  – Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.  - Nêu được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.  **Thông hiểu**  – Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.  **Vận dụng**  – Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang. | | 1TN  1TN | 1TL\* | 1TL\* |  |
|  | **VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI** | **1. Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009: thời Ngô – Đinh – Tiền Lê** | **Nhận biết**  – Nêu được những nét chính về thời Ngô  – Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh  – Nêu được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê  **Thông hiểu**  – Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn (981):  – Giới thiệu được nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê. | | 4TN | 1TL\*  1TL |  |  |
|  |  | **2. Việt Nam từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIII: thời Lý** | **Nhận biết**  – Trình bày được sự thành lập nhà Lý.  **Thông hiểu**  – Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý  – Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý.  **Vận dụng**  – Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn. | | 2TN | 1TL\*  1TL\*  1TL |  |  |
| Số câu/ Loại câu | | | |  | **8 câu**  **TN** | **1 câu**  **TL** | **1/2 câu TL** | **½**  **câu**  **TL** |
| Tỉ lệ % | | |  | | 20% | 15% | 10% | 5% |

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| 1 | Châu Âu ( 10% - đã kiểm tra giữa kì I) | -Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu  - Đặc điểm tự nhiên  - Đặc điểm dân cư, xã hội | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.  – Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới nóng; đới lạnh; đới ôn hòa.  – Trình bày được đặc điểm của đô thị hoá ở châu Âu. | 1TN  1TN\*  1TN\* |  |  |  |
| 2 | Châu Á (9 tiết) | Vị trí địa lí, phạm vi châu Á  -Đặc điểm tự nhiên  -Đặc điểm dân cư, xã hội  - Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  – Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.  – Trình bày được sự phân bố dân cư.  – Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.  – Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á  **Thông hiểu**  – Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **Vận dụng**  - Tính và nhận xét số dân của châu Á dựa vào bảng số liệu.  **Vận dụng cao**  Đánh giá thuận lợi và khó khăn về tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế xã hội châu Á. | 2TN  2TN  1TN  1TN  2TN\* | 1TL | 1TL(a) | 1TL (b) |
| Số câu/ loại câu  10 | | |  | 8 câu  TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |
| ***Tỉ lệ % (50 %)*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên HS:** ...............................................  **Lớp:** .................. **Trường THCS Kim Đồng** | | **KIỂM TRA HỌC KỲ I (2022 - 2023) MÔN: LỊCH SỬ& ĐỊA LÍ 7 Thời gian làm bài: 60 phút** | **TT** |
| **Số BD:** ....... | **Phòng thi:** ........**Số tờ**:........ |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm:** | **Họ tên, chữ ký giám khảo** | **GT 1** | **GT 2** | **TT** |

**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

**I. TRẮC NGHIỆM:** (2,0 điểm) **Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất**

**Câu 1) Công trình văn hóa tiêu biểu của vương quốc Lào là**

A. Thạt Luổng. B. Chùa Vàng. C. Ăng-co-vát. D. Đền Wat Ong Theu.

**Câu 2) Vương quốc Lan Xang phát triển thịnh vượng trong giai đoạn**

A.thế kỉ XII-XIII. B. thế kỉ XIII-XV. C. thế kỉ XV-XVI. D. thế kỉ XV-XVII.

**Câu 3) Sau chiến thắng Bạch Đằng, Ngô Quyền xưng vương và đóng đô ở đâu?**

A. Cổ Loa B. Phú Xuân. C. Bạch Hạc. D. Đại La

**Câu 4) Người có công dẹp loạn 12 sứ quân**

A. Ngô Quyền. B. Lý Thường Kiệt. C. Đinh Bộ Lĩnh. D. Đinh Công Trứ.

**Câu 5) Tên gọi nước ta thời Đinh**

A.Văn Lang. B. Đại Việt. C. Đại Cồ Việt. D.Đại Nam.

**Câu 6) Tôn giáo được truyền bá rộng rãi dưới triều Đinh-Tiền Lê**

A.Phật giáo. B. Lão giáo. C. Nho giáo. D. Đạo giáo

**Câu 7) Nhà Lý được thành lập vào năm nào?**

A.Năm 1008. B. Năm 1009. C.Năm 1010. D. Năm 1011.

**Câu 8) Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định dời đô về**

A.Hoa Lư. B. Cổ Loa. C. Đại La. D. Phong Châu.

**II. TỰ LUẬN:** (3,0 điểm)

**Câu 1)** Nêu những nét chính về tổ chức chính quyền thời Tiền Lê, so sánh với tổ chức chính quyền thời Ngô. ( 1,5 điểm)

**Câu 2**) Vì sao Lý Công Uẩn lại quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La? Em có nhận xét, đánh giá gì về sự kiện dời đô của Lý Công Uẩn.

**B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

**I.TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm) Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất**

**Câu 1) Châu Âu ngăn cách với châu Á bởi dãy núi nào sau đây?**

A. U-ran. B. Xcan-đi-na-vi. C. An-pơ. D. Các-pát.

**Câu 2) Đô thị nào sau đây ở châu Âu có số dân từ 10 triệu người trở lên?**

A. Xanh Pê-téc-bua. B. Mát-xcơ-va. C. Luân Đôn. D. Bác-xê-lô-na.

**Câu 3) Châu lục nào dưới đây có diện tích lớn nhất thế giới?**

A. Phi. B. Mỹ. C. Á D. Âu.

**Câu 4) Châu Á *không* tiếp giáp với đại dương nào dưới đây?**

A. Thái Bình Dương. B. Bắc Băng Dương. C. Ấn Độ Dương. D. Đại Tây Dương.

**Câu 5) Khu vực nào dưới đây ở châu Á có dân cư phân bố rất thưa thớt?**

A. Tây Á. B. Nam Á. C. Đông Á. D. Đông Nam Á.

**Câu 6) Các quốc gia Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, … thuộc khu vực**

A. Bắc Á. B. Đông Á. C. Nam Á. D. Đông Nam Á.

**Câu 7) Địa hình phía Bắc châu Á có đặc điểm gì?**

A. vùng núi cao, đồ sộ và hiểm trở nhất thế giới.

B. núi, cao nguyên và đồng bằng ven biển.

C. đồng bằng và cao nguyên thấp, bằng phẳng.

D. dãy núi trẻ, các sơn nguyên và đồng bằng nằm xen kẽ.

**Câu 8) Dãy núi nào sau đây là dãy núi cao và đồ sộ nhất châu Á?**

A. Hi-ma-lay-a. B. Côn Luân. C. Thiên Sơn. D. Cap-ca.

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1. (1,5 điểm )** Nêu đặc điểm địa hình của châu Á và ý nghĩa của nó đối với việc sử dụng, bảo vệ tự nhiên?

**Câu 2.** a) (1,0 điểm)Cho bảng số liệu sau:

**SỐ DÂN, MẬT ĐỘ DÂN DÂN SỐ CỦA CHÂU Á VÀ THẾ GIỚI NĂM 2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Châu lục** | Số dân (triệu người) | Mật độ dân số (người/km2) |
| Châu Á | 4 641,1(\*) | 150(\*\*) |
| Thế giới | 7 794,8 | 60 |

Em hãy tính tỉ lệ dân số trong tổng số dân thế giới của châu Á và nêu nhận xét.

b) Đánh giá những khó khăn về mặt tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế-xã hội của các khu vực Châu Á hiện nay.

**Bài làm**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7** |

**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

**I. TRẮC NGHIỆM:** (2,0 điểm)Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **ĐA** | A | D | A | C | C | A | B | C |

**II. TỰ LUẬN:** (3,0 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **1**  (1,5đ) | **\* Những nét chính của bộ máy chính quyền thời Tiền Lê.**  + Bộ máy cai trị trung ương: Đứng đầu là vua, nắm mọi quyền hành, giúp việc cho vua có Thái sư và Đại sư, dưới vua là các quan văn, quan võ.  + Ở địa phương: cả nước được chia thành 10 đạo, sau đổi đạo thành lộ, phủ, châu rồi đến giáp, đơn vị cấp cở sở là xã.  **\* So sánh với thời Ngô**  +Tổ chức bộ máy nhà nước thời Tiền Lê hoàn chỉnh hơn so với nhà Ngô  +Triều đình có đầy đủ các bộ, các cơ quan chuyên môn. Hệ thống thanh tra giám sát được tăng cường từ triều đình đến địa phương. | 0,5  0,5  0,25  0,25 |
| **2**  (1,0đ) | **\* Lý Công Uẩn lại quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La vì**  - Hoa Lư là nơi đồi núi, chỉ thuận lợi cho phùng thủ, không thuận lợi cho phát triển kinh tế đất nước.  - Đại La là nơi trung tâm trời đất được cái thế rồng cuộn, hổ ngồi. Đây là vùng đất rộng, bằng phẳng, dân cư thuận lợi làm ăn, phát triển kinh tế..thuận tiện mọi mặt để phát triển đất nước  **\* Đánh giá, nhận xét về sự kiện dời đô của Lý Công Uẩn**  Cho thấy được bản lĩnh và tầm nhìn của vị hoàng đế khai sáng triều Lý, qua chiếu dời đô khẳng định Lý Công Uẩn dời đô không phải theo ý riêng như các cựu triều Đinh, Tiền Lê mà thuận theo ý trời (thấy thuận tiện thì thay đổi) | 0,5  0,5  0,5 |

**B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm) Mỗi câu đúng 0,25đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | A | B | C | D | A | D | C | A |

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1: (1,5 đ)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Nội dung* | *Điểm* |
| **\*Đặc điểm địa hình của châu Á**  + Rất đa dạng: Gồm núi, sơn nguyên cao, đồ sộ; cao nguyên và đồng bằng rộng lớn...Bề mặt địa hình bị chia cắt mạnh.  Địa hình chia thành các khu vực:  + Phía bắc là các đồng bằng và cao nguyên thấp.  + Ở trung tâm là các vùng núi  cao đồ sộ và hiểm trở nhất thế giới.  + Phía đông thấp dần về biển, gồm núi, cao nguyên và đồng bằng ven biển.  + Phía nam và tây nam gồm các dãy núi trẻ, các sơn nguyên và đồng bằng nằm xen kẽ...  **\*Ý nghĩa của địa hình đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên:**  + Thuận lợi: Cao nguyên và đồng bằng rộng lớn thuận lợi cho sản xuất và định cư  + Địa hình núi cao hiểm trở, dễ sạt lở đất trở gây khó khăn cho giao thông, sản xuất và đời sống | 0.5đ  0,25đ  0,25 đ  0,25đ  0.25đ |

**Câu 2a. (1.0đ)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Nội dung* | *Điểm* |
| - Tính số dân: (4641,1/7794,8) x 100%=59,5%  Số dân của châu Á chiếm 59,5% hơn một nửa số dân thế giới.  Châu Á có số dân đông nhất trong các châu lục trên thế giới. | 0.5đ  0,25đ  0.25đ |

**Câu 2b. (0,5đ)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Nội dung*  - Thiên nhiên châu Á cũng gây nhiều khó khăn cho con người:  + Các vùng núi cao hiểm trở, các hoang mạc khô cằn rộng lớn, các vùng khí hậu giá lạnh khắc nghiệt chiếm tỉ lệ lớn so với toàn bộ lãnh thổ đã gây trở ngại lớn cho việc giao lưu giữa các vùng, việc mở rộng diện tích trồng trọt và chăn nuôi của các dân tộc.  +Các thiên tai như động đất, hoạt động núi lửa, bão lụt... thường xảy ra ở các vùng đảo và duyên hải Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á, gây thiệt hại lớn về người và của. | *Điểm*  0,25 đ  0,25 đ |
|  |  |